TAND HUYỆN YÊN PHONG
TỈNH BẮC NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:178/2018/HSST
Ngày: 23/11/2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN PHONG TỈNH BẮC NINH

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Vinh

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Đức Năm

2. Ông Nghiêm Đình Chế

- Thư ký toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Trí Tuấn

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Phong tham gia phiên toà: Bà Ngô Phương Dung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23/11/2018, tại trụ sở TAND huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, mở phiên toà công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 170/2018/TLST-HS ngày 02/11/2018 đối các với các bị cáo:

1. Nguyễn Tùng L - Sinh năm 1994; Giới tính: Nam

Nơi ĐKNKTT: Khối 6, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do

Con ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị N

Tiền án, tiền sự: Không

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/7/2018 đến nay - Có mặt.

2. Dương Công L1 - Sinh năm 1988; Giới tính: Nam

Nơi ĐKNKTT: Thôn T, xã H, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn

Dân tộc: Tày; Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: Lái xe

Con ông Dương Công C và bà Dương Thị H

Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị L, sinh năm 1991; Có 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2016

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo tại ngoại - Có mặt.

3. Nguyễn Văn T - Sinh năm 1992; Giới tính: Nam

Nơi ĐKNKTT: Thôn N, xã L, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ học vấn: 07/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do

Con ông Nguyễn Đức L và bà Dương Thị L

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo tại ngoại - Có mặt.

4. Nguyễn Hữu H - Sinh năm 1984; Giới tính: Nam

Nơi ĐKNKTT: Thôn Ô, xã Đ, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ học vấn: 12/12; Đoàn thể: Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do

Con ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị H

Bị cáo có vợ là Lê Thị T, sinh năm 1984; Có 02 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2012.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo tại ngoại - Có mặt.

Bị hại: Công ty TNHH I Việt Nam - Do ông JKJ - Tổng giám đốc làm đại diện

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn M - Sinh năm 1986 - Vắng mặt

Địa chỉ: Công ty TNHH I Việt Nam - Khu công nghiệp Yên Phong, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh

NỘI DUNG VỤ ÁN

Các bị VKSND huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh truy tố về hành vi phạm tội như sau: Nguyễn Tùng L làm công nhân tại xưởng lắp ráp của Công ty TNHH I Việt Nam có trụ sở ở khu công nghiệp Yên Phong, huyện Yên Phong, Bắc Ninh (gọi tắt là Công ty I) từ tháng 12/2016 đến tháng 4/2018 thì tự ý bỏ việc. Từ tháng 12/2017, Công ty I nhận được hợp đồng gia công sản phẩm G965 Rear CNC mã code GH96 - 11642 hay còn gọi là Rear điện thoại di động nhãn hiệu SamSung Galaxy S9 (gọi tắt là Rear S9) nên đã triển khai thực hiện hợp đồng tại xưởng lắp ráp của L. Từ khi sản xuất đến ngày 27/02/2018 thì sản phẩm đang trong quá trình bảo mật nên Công ty quản lý rất chặt chẽ. Sau ngày 27/02/2018 thì Công ty đưa vào sản xuất đại trà Rear S9 nên việc quản lý rất lỏng lẻo. Nhận thấy sự sơ hở trong quá trình quản lý sản phẩm và lợi dụng vị trí làm việc (là người quản lý một tổ của xưởng lắp ráp được đi lại tự do trong xưởng) nên L đã nảy sinh ý định trộm cắp Rear S9 ở trong xưởng lắp ráp bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Sau khi nảy sinh ý định trộm cắp, trong giờ giải lao một ngày cuối tháng 3/2018 (L không nhớ chính xác

ngày), lợi dụng lúc mọi người trong xưởng nghỉ giải lao không để ý nên L đã lén lút trộm cắp 37 chiếc Rear S9 ở cuối line 09 và line 10 trong xưởng lắp ráp rồi xếp vào những chiếc khay nhựa màu đỏ (khay chuyên dụng để Rear S9). Sau đó, L để những chiếc khay nhựa có chứa Rear S9 chồng lên nhau và để vào một chiếc xe đẩy hàng. Đến khi hết giờ làm việc, trong xưởng không còn ai, L lấy 37 chiếc Rear S9 ra khỏi khay nhựa và cài vào quanh bụng trong áo rồi đi ra khu vực để tủ locker (tủ cá nhân của công nhân) cất vào ngăn tủ của L. Do sợ mang một lần 37 chiếc Rear S9 ra ngoài thì cộm, dễ bị phát hiện nên hết giờ làm việc ngày hôm sau, L lấy những miếng giấy xốp màu trắng ở trong xưởng lắp ráp (loại xốp chuyên dụng để lót vào khay nhựa đựng Rear S9) gói 20 chiếc Rear S9 lại thành nhiều gói và cài những gói Rear S9 vào cạp quần trước bụng, phía trong áo rồi đi ra khỏi Công ty I bằng lối cửa từ ở khu vực cổng chính. Tuy nhiên, L là Leader nên được đi qua cửa dành cho người được bầu, khi đi qua cửa này thì không có thiết bị điện tử phát hiện linh kiện điện thoại và việc kiểm tra cũng chỉ mang tính hình thức nên bảo vệ Công ty không phát hiện ra hành vi trộm cắp tài sản của L. Sau khi trộm cắp được Rear S9, L mang về phòng trọ cất giấu. Đến cuối buổi làm việc ngày kế tiếp, cũng với thủ đoạn như trên, L lấy 17 chiếc Rear S9 còn lại ở tủ locker của L mang về phòng trọ cất giấu. Sau đó, L đã điện thoại cho Đàm Đức Đ (là người làm công nhân tại phòng vật tư SUB, Công ty I) nhờ Đ bán hộ 37 chiếc Rear S9 mà L trộm cắp được. Đ đồng ý tìm chỗ bán Rear S9 cho L. Cùng thời điểm này, Đ cùng Dương Công L1 (là lái xe của Công ty I) đang trên đường đi giao hàng từ Công ty I sang Công ty SamSung. Đ nói với L1 "Em có 37 con hàng Rear S9, anh xem có chỗ nào bán được giá thì bảo em". L1 bảo với Đ: "Để anh hỏi ông anh xem thế nào". Sau đó, L1 sử dụng điện thoại của L1 gọi điện cho Nguyễn Văn T nhờ T bán hoặc mua 37 Rear S9 mà Đ nhờ bán. T trả lời không mua và bảo L1 "Để anh hỏi ông anh xem thế nào". Sau đó, T gọi điện cho Nguyễn Hữu H và nói với H: "Thằng lái xe ở trong công ty I nó báo có 37 con Rear S9 anh có lấy thì lấy". H đồng ý mua và trả 310.000đ/01 chiếc. Sau khi trao đổi với H, T gọi điện cho L1, L1 gọi điện cho Đ và Đ gọi điện cho L thông báo đã tìm được chỗ bán Rear S9. Sau đó, L hẹn gặp và đi xe mô tô nhãn hiệu Sirius BKS 12, các số sau không nhớ đến đưa Rear S9 đựng trong 01 túi sợi màu hồng, bọc ngoài cùng là túi bóng màu đen cho Đ ở cổng phòng trọ của Đ tại thôn Đ, xã Đ, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh vào buổi trưa cùng ngày. Sau khi nhận 37 chiếc Rear S9 từ L, Đ hẹn gặp và đưa túi bóng đựng Rear cho L1 ở gầm cầu Đ thuộc thôn Đ, xã Đ. Khi nhận Rear từ Đ, L1 đưa trước cho Đ 3.700.000đ và cầm túi đựng Rear mang đến quán nước nhà T ở thôn N, xã L để T đưa đi bán. T mượn xe ô tô nhãn hiệu vios (dạng xe taxi) của một người đàn ông tên T quê Bắc Giang (không rõ địa chỉ cụ thể) chở L1 sang quán cà phê "HH" ở thôn Ô gặp H để bán 37 chiếc Rear S9. Đến nơi, L1 đưa bọc túi bóng màu đen bên trong có Rear S9 cho T cầm và trực tiếp giao dịch mua bán với H, còn L1 đứng ở cửa, cách chỗ H và T khoảng 02m. H cầm và lấy Rear S9 ở trong bọc túi bóng màu đen ra kiểm đếm được tổng cộng 37 chiếc. Khi kiểm tra chi tiết các Rear thì H thấy có 04 chiếc Rear bị thiếu nút bấm nguồn nên đưa trả lại cho T, còn 33 chiếc là hàng hoàn chỉnh nên H đồng ý mua và trả cho T 10.000.000đ. Sau khi nhận tiền từ H, T đưa lại cho L1 10.000.000đ cùng 04 chiếc Rear S9 bị thiếu nút bấm nguồn. Trên đường quay trở về quán nước nhà T, L1 đưa lại cho T 04

chiếc Rear S9 mà H trả lại. Do không biết sử dụng 04 chiếc Rear S9 bị thiếu nút bấm nguồn vào mục đích gì nên khoảng 03 ngày sau T đã đưa lại cho H 03 chiếc, còn lại 01 chiếc T đã làm mất, không biết mất ở đâu. H nhận 03 chiếc Rear này và không trả thêm cho T tiền. Sau khi mua được 36 chiếc Rear S9 của T thì đến ngày 17/4/2018 nghe tin T bị Cơ quan CSĐT Công an huyện Yên Phong triệu tập ra làm việc nên H lo sợ bị ảnh hưởng đến bản thân nên đã đã mang bọc túi bóng màu đen có chứa 36 chiếc Rear S9 đến quán nước nhà T với mục đích để trả lại T. Khi đến quán nước H không gặp T nên đã để túi chứa 36 Rear S9 ở dưới gầm giường trong quán. Đến ngày 17/5/2018, H đã quay lại quán nước nhà T lấy lại túi Rear S9 và mang đến giao nộp cho Cơ quan điều tra Công an huyện Yên Phong. Cơ quan điều tra Công an huyện Yên Phong đã lập biên bản thu giữ và niêm phong vật chứng nêu trên.

Khi mua, bán, môi giới việc mua bán Rear S9 thì Đ, L1, T và H đều biết rõ đây là T sản do người khác phạm tội mà có nhưng vẫn đồng ý mua, bán, môi giới mua bán T sản trên. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị Cơ quan điều tra Công an huyện Yên Phong phát hiện và triệu tập đến làm việc thì Đ, L1, T, H đã khai nhận rõ hành vi phạm tội của bản thân. Ngày 28/4/2018, L1 đã tự nguyện giao nộp điện thoại Oppo màu trắng, gắn sim 01672382004, ngày 27/4/2018, Đ giao nộp 01 điện thoại Oppo màu xanh, gắn sim 09890211193 là những chiếc điện thoại mà L1, Đ sử dụng liên lạc với nhau tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 39/KL- ĐG ngày 11/5/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Yên Phong kết luận: Tổng giá trị 37 chiếc Rear S9 có đặc điểm nêu trên là: 16.285.804đ.

Tại bản cáo trạng số 163/CTr-VKSYP ngày 02/11/2018 của VKSND huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh đã truy tố Nguyễn Tùng L về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 BLHS; Truy tố các bị cáo Dương Công L1, Nguyễn Văn T và Nguyễn Hữu H về tội: "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 323 BLHS.

Kết thúc phần tranh tụng; Tại phần tranh luận, đại diện VKS đọc bản luận tội. Nội dung bản luận tội đã phân tích nguyên nhân, động cơ, mục đích phạm tội của các bị cáo; Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ áp dụng đối với mỗi bị cáo và khẳng định cáo trạng truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Nguyễn Tùng L phạm tội "Trộm cắp tài sản"; Tuyên bố các bị cáo Dương Công L1, Nguyễn Văn T và Nguyễn Hữu H phạm tội: "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". Về Điều luật và hình phạt đề nghị:

Bị cáo L: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 BLHS đề nghị xử phạt bị cáo từ 10 đến 12 tháng tù.

Các bị cáo L1, T, H: Áp dụng khoản 1 Điều 323, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 BLHS. Bị cáo H áp dụng thêm điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS. Đề nghị xử phạt các bị cáo L1, T, H mỗi bị cáo từ 8 đến 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách của mỗi bị cáo từ 16 đến 20 tháng tính từ ngày tuyên án.

Miễn hình phạt bổ sung cho tất cả các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 BLHS, các Điều 589 BLDS. Buộc bị cáo T phải bồi thường cho Công ty I 430.000đ.

Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS đề nghị tịc thu sung Công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động màu trắng và 6.300.000đ. Buộc bị cáo L nộp lại 1.000.000đ sung công quỹ Nhà nước. Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc túi.

Tách số vật chứng gồm số tiền 3.700.000đ và 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu xanh do Đàm Đức Đ nộp. Khi nào bắt được Đàm Đức Đ thì sẽ xử lý theo quy định.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình, lời khai nhận của các bị cáo đúng như nội dung bản cáo trạng truy tố, được tóm tắt ở phần trên. Các bị cáo thừa nhận cáo trạng truy tố và lời luận tội của đại diện VKS đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội, không oan. Không có bị cáo nào tranh luận với với lời luận tội của đại diện VKS. Tại lời nói sau cùng, các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị hại vắng mặt tại phiên tòa nhưng lời khai trong hồ sơ thể hiện: Trong quá trình điều tra đã xác định được bị cáo trộm cắp 37 rear S9. Cơ quan điều tra đã thu hồi trả cho Công ty 36 chiếc, còn thiếu 01 chiếc Rear chưa thành phẩm, Công ty yêu cầu bồi thường bằng tiền theo giá định giá. Về hình phạt đề nghị xử lý theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, lời khai của các bị cáo, HĐXX nhận định: Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên toà hôm nay hoàn toàn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ và lời khai trước đây của các bị cáo có tại hồ sơ vụ án. Có đủ cơ sở kết luận: Khoảng cuối tháng 3/2018, Nguyễn Tùng L đã trộm cắp 37 Rear S9 trị giá 16.285.804đ tại xưởng lắp ráp của Công ty I có trụ sở tại Khu công nghiệp Yên Phong, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. Sau đó, L nhờ Đàm Đức Đ, Đ nhờ Dương Công L1, L1 nhờ Nguyễn Văn T bán hộ Rear S9. T đưa L1 đến thôn Ô , xã Đ, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh bán cho Nguyễn Hữu H được 10.000.000đ. Khi mua, bán, môi giới việc mua, bán 37 Rear S9 thì Đ, L1, T và H đều biết rõ đó là tài sản do người khác phạm tội mà có. Cơ quan điều tra Công an huyện Yên Phong đã thu hồi được 36 chiếc Rear S9 trả lại Công ty I, còn 01 chiếc Rear S9 do T làm mất nên không thu hồi được.

Hành vi của Nguyễn Tùng L đã phạm tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS; Hành vi của các bị cáo Dương Công L1, Nguyễn Văn T và Nguyễn Hữu H đã phạm tội: "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 323 BLHS.

Xét cáo trạng truy tố và lời trình bày luận tội của đại diện VKS tại phiên toà là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Ngoài ra hành vi này còn gây mất trật tự trị an, gây hoang mang lo lắng trong nhân dân nơi xảy ra tội phạm.

Xét đây là vụ án có nhiều bị cáo cùng tham gia thực hiện hành vi phạm tội. Tuy nhiên, hành vi đồng phạm của các bị cáo L1, T, H chỉ mang tính giản đơn. Bởi lẽ, trước khi phạm tội các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công, phân nhiệm hoặc cấu kết chặt chẽ với nhau. Bị cáo L phạm tội độc lập và không đồng phạm với các bị cáo L1, T, H. Tuy nhiên, nguyên nhân dẫn đến các bị cáo phạm tội xuất phát từ hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo L. Hành vi tiêu thụ tài sản của các bị cáo Dương Công L1, Nguyễn Văn T và Nguyễn Hữu H xác định bị cáo H có vai trò đầu nhóm, các bị cáo khác có vai trò như nhau.

Về nhân thân của các bị cáo: Tính đến ngày phạm tội, các bị cáo đều có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội ít nghiêm trọng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đều có thái độ khai báo thành khẩn và tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Các bị cáo đều lần đầu phạm tội ít nghiêm trọng. Do vậy, cả 04 bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Sau khi phạm tội bị cáo L đã ra đầu thú, bị cáo L1 tự nguyện nộp lại số tiền do phạm tội mà có. Bị cáo H có thời gian phục vụ trong quân đội nhân dân Việt Nam, sau khi biết hành vi của bị cáo bị phát hiện, bị cáo đã tự nguyện nộp lại tài sản để khắc phục hậu quả do hành vi của mình gây ra. Do vậy, 03 bị cáo đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS, bị cáo H hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS.

Từ phân tích và nhận định trên, xét cần xử phạt mỗi bị cáo một mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi của các bị cáo đã gây ra. Cần cách ly bị cáo L ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung đối với xã hội. Các bị cáo còn lại có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội ít nghiêm trọng và được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS nên không cần bắt các bị cáo phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội mà cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương cũng đủ điều kiện để giáo dục các bị cáo sớm trở thành công dân sống biết tôn trọng pháp luật.

Đối với Đàm Đức Đ sau khi khởi tố điều tra, bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú nhưng đã bỏ trốn. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Phong đã ra quyết định truy nã và tách vụ án hình sự đối với hành vi "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" đối với Đàm Đức Đ, khi nào bắt được sẽ xử lý sau.

Ngoài trộm cắp 37 chiếc Rear S9 như đã trình bày thì Nguyễn Tùng L còn khai nhận từ đầu tháng 3/2018 L đã nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp phôi sản xuất Rear S9 nhập từ Công ty Sam Sung về nhưng chưa lắp ráp các linh kiện khác để trở thành Rear S9 hoàn chỉnh ở trong Công ty I với tổng số 200 chiếc. Số phôi Rear S9 này L khai nhận lấy từ trong xưởng vật tư rồi để trên Line 9 và Line 10 của xưởng lắp ráp. Sau khi trộm cắp

được, L mang về phòng trọ làm nhiều lần. Khi góp đủ 100 chiếc Rear thì L bán cho đối tượng tên Th con ông Th ở thôn T, xã Y, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh với giá 90.000đ/01 chiếc. L bán 200 chiếc phôi Rear S9 cho Th làm 02 lần, mỗi lần 100 chiếc và được tổng số tiền 18.000.000đ. Quá trình điều tra xác định đối tượng tên Th mà L khai đã mua Rear S9 của L là Nguyễn Văn Th, sinh năm 1989, HKTT: Thôn T, xã Y, con ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1965. Cơ quan điều tra đã triệu tập Nguyễn Văn Th ra làm việc nhiều lần và cho đối chất với L nhưng Thắng không thừa nhận có quen biết và mua phôi Rear S9 của L. Ngày 10/4/18, qua kiểm kê tài sản, Công ty I phát hiện mất 2.200 rear S9 nên ngày 26/4/2018 đã làm đơn trình báo Cơ quan Công an huyện Yên Phong. Theo đơn trình báo cùng lời khai của anh Nguyễn Văn M là người được Tổng giám đốc công ty I uỷ quyền thì 2.200 Rear bị mất đều là hàng thành phẩm để ở kho của công ty chờ xuất bán sang công ty Sam Sung nhưng không biết mất thời điểm cụ thể nào. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã nhiều lần yêu cầu phía Công ty I cung cấp toàn bộ T liệu có liên quan đến việc nhập phôi Rear điện thoại S9 từ Công ty Sam Sung về để lắp ráp, đồng thời cung cấp các căn cứ chứng minh số lượng Rear S9 của Công ty bị mất (thống kê từ 01/02/2018 đến ngày 15/4/2018) cũng như chất lượng của sản phẩm. Tuy nhiên, đến nay phía Công ty I không cung cấp được những T liệu theo yêu cầu với lý do bộ phận quản lý việc xuất, nhập Rear S9 của Công ty đã bị giải thể. Bản thân L khai nhận đã trộm cắp 200 phôi sản xuất Rear S9 nêu trên ở trên Line 9 và Line 10 của xưởng lắp ráp, đều là hàng chưa lắp ráp. Hơn nữa, sản phẩm chưa thu hồi được để kiểm tra chất lượng, do vậy chưa có đủ căn cứ để kết luận và xử lý đối với Nguyễn Tùng L về hành vi trộm cắp 200 phôi Rear S9 như L đã khai nhận. Cơ quan điều tra đã tách hành vi trộm cắp 200 phôi Rear S9 của L ra, khi nào làm rõ sẽ đề nghị xử lý sau, xét thấy là căn cứ nên HĐXX không xem xét.

Về trách nhiệm dân sự: Đại diện Công ty I thừa nhận trong giai đoạn điều tra Cơ quan điều tra đã thu hồi và trả cho Công ty 36 Rear S9 các loại. Trong đó có 33 Rear là hàng thành phẩm, 03 Rear là hành chưa thành phẩm, còn 01 Rear chưa thu hồi được do T đánh mất. Chiếc Rear này là hàng chưa thành phẩm có giá 430.000đ/chiếc. Công ty yêu cầu phải bồi thường theo giá trị định giá. Xét yêu cầu của Công ty I là có căn cứ. Tại phiên tòa bị cáo T xin nhận trách nhiệm bồi thường nên được chấp nhận.

Về xử lý vật chứng: - Chiếc điện thoại Oppo màu trắng có gắn sim số 01672382004 do Dương Công L1 giao nộp, quá trình điều tra đã làm rõ được đây là chiếc điện thoại L1 sử dụng để liên lạc với Đ và T tiêu thụ tài sản do L phạm tội mà có.

- Chiếc điện thoại Oppo màu xanh của Đ dùng liên lạc với L1 để đi tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có.

- Đối với chiếc xe mô tô mà L sử dụng làm phương tiện mang Rear S9 trộm cắp được đến cho Đ là xe của L mua tại một cửa hàng mua bán xe máy cũ ở Lạng Sơn nhưng không nhớ địa chỉ. Hiện L đã bán chiếc xe trên cho một người không quen biết ở Hà Nội. L không nhớ BKS, đăng ký xe tên ai, vì vậy Cơ quan điều tra không có căn cứ để thu hồi, xử lý.

- Số tiền 6.300.000đ bán Rear cho H mà có L1 đã chi tiêu cá nhân hết. Ngày 20/7/2018, L1 cũng đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra số tiền 6.300.000đ xác định là tiền có được do phạm tội mà có.

- Số tiền 3.700.000đ Đàm Đức Đ đã nhận được từ việc bán Rear S9 cho L1.. Ngày 16/7/2018, Đ đã tự nguyện nộp lại số tiền 3.700.000đ xác định là tiền do phạm tội mà có.

Cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại Oppo màu trắng có gắn sim số 01672382004 và 6.300.000đ bán do Dương Công L1 giao nộp.

Tách số vật chứng là 01 chiếc điện thoại Oppo màu xanh và 3.700.000đ do Đàm Đức Đ giao nộp. Hiện Đ đang bỏ trốn và bị truy nã, khi nào bắt được sẽ xử lý sau.

Số vật chứng còn lại là 02 chiếc túi đựng Rear do H giao nộp, giá trị sử dụng không còn nên tịch thu tiêu hủy.

Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tùng L phạm tội "Trộm cắp tài sản"; Tuyên bố các bị cáo Dương Công L1, Nguyễn Văn T và Nguyễn Hữu H phạm tội: "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, 38 BLHS; Điều 136, 329 BLTTHS.

Xử phạt: Nguyễn Tùng L 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 20/7/2018

Tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 323, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, 65 BLHS. Bị cáo H áp dụng thêm điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS.

Xử phạt: 1. Dương Công L1 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 20 tháng tính từ ngày tuyên án (ngày 23/11/2018).

Giao bị cáo cho UBND xã H, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

2. Nguyễn Văn T 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 20 tháng tính từ ngày tuyên án (ngày 23/11/2018).

Giao bị cáo cho UBND xã L, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

3. Nguyễn Hữu H 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 20 tháng tính từ ngày tuyên án (ngày 23/11/2018).

Giao bị cáo cho UBND xã Đ, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách nếu các bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của BLHS.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 BLHS, các Điều 584, 585, 589 BLDS. Buộc bị cáo Nguyễn văn T phải bồi thường cho Công ty I giá trị 01 chiếc Rear do bị cáo làm mất theo giá trị định giá là 430.000đ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thì hành án, các bên không thỏa thuận được lãi suất thì người phải thi hành án phải chịu lãi suất theo khoản 2 Điều 468 BLDS tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS. Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 6.300.000đ và 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu trắng ốp nhựa. Số tiền đã nộp theo biên lai thu số AA/2014/0006677 ngày 31/7/2018.

Tịch thu tiêu hủy 02 chiếc túi, (01 túi nilong màu đen, 01 túi sợi màu hồng).

Tách số vật chứng liên quan đến Đàm Đức Đ gồm 01 điện thoại hiệu Oppo màu xanh ốp nhựa đen và số tiền 3.700.000đ do Đ giao nộp, khi nào bắt được Đàm Đức Đ sẽ xử lý sau.

(Số vật chứng là điện thoại và túi đã giao nhận vào ngày 13/11/2018 Cơ quan điều tra và Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên phong

Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ tiền án phí HSST. Bị cáo T phải nộp thêm 300.000đ tiền án phí DSST.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự;

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống Đ bản án hoặc niêm yết.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh.
- VKSND cùng cấp
- Thi hành án, công an
- Bị cáo
- Lưu hồ sơ, VP.